

**TÒA ÁN NHÂN DÂN H. QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2018
V/v: Ly hôn giữa anh Th, chị H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chung, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.
2. Bà Ngô Thùy Phương, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thử, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 2 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1979. (có mặt)
Cư trú: Thôn Cung Kiệm, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985. (có mặt)
STQ: Thôn Yên Đình, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950. (có mặt)
Cư trú: Thôn Cung Kiệm, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
2. Bà An Thị T, sinh năm 1966. (có mặt)
Cư trú: Thôn Cung Kiệm, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự trong thời gian chuẩn bị xét xử thì các đương sự thống nhất khai như sau:

Anh Nguyễn Đình Th kết hôn với chị Trần Thị H vào tháng 3/2013 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ. Sau khi làm lễ cưới vợ chồng về chung sống và đã có với nhau 02 con chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì có mâu thuẫn.

Theo anh Th trình bày: Trước khi vợ chồng kết hôn với nhau thì cả anh và phía chị H cũng đều đã có một lần lập gia đình nên có sự thông cảm và đi đến hôn nhân cùng nhau. Tuy nhiên sau khi về chung sống thì anh thấy chị H sống không chung thủy, chị H có quan hệ ngoại tình nên đã làm cho tình cảm vợ chồng bị dạn nứt và mâu thuẫn với nhau trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay, nay anh thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn chị H.

Phía chị H trình bày: Chị H xác nhận việc chị kết hôn cùng với anh Th như phía anh Th đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến nỗi đã nhiều lần anh Th dùng vũ lực với chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay và chị về quê thôn Yên Đình, xã Phù Lương để ở. Kể từ đó vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị cũng nhất trí ly hôn như yêu cầu của anh Th.

Về con chung: Anh Th, chị H đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Thảo Vy và cháu Nguyễn Thị Thảo Uyên, hai cháu sinh đôi và đều sinh ngày 7/10/2013. Hiện nay cả hai cháu đều đang với mẹ ở thôn Yên Đình, xã Phù Lương. Ly hôn anh Th đề nghị được nuôi 01 con chung, chị H đề nghị được nuôi cả hai con và đề nghị anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị với mức 1.500.000 đồng/tháng/cháu đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung:

Phía chị H trình bày: Năm 2013 vợ chồng kết hôn và về chung sống cùng nhau. Tại thời điểm này anh Th đã có khối tài sản nhà đất là thửa đất của bố mẹ để cho và 01 ngôi nhà trên đất. Về phần thửa đất ở chị H xác nhận là của bố mẹ chồng và chị cũng không có yêu cầu gì đối với thửa đất này. Phần nhà ở khi vợ chồng lấy nhau thì đã có 01 ngôi nhà trần 02 tầng diện tích mỗi tầng vào khoảng 40m², nhà tầng 1 đã hoàn thiện nhưng đã cũ, còn tầng 2 thì mới xây thô chưa trát. Ngoài ngôi nhà thì cũng còn có một số công trình phụ như nhà chứa, sân gạch, cổng ngõ, tường bao. Vợ chồng ở đến năm 2015 do nhà cửa cũ nát nên đã thống nhất sửa lại nhà. Khi đó theo chị H thì vợ chồng có sửa nhà bao gồm các hạng mục đó là; Đục tường và trát sơn lại toàn bộ tầng 1; Cơi nới thêm phần hiên nhà tầng 1, tức là nhà trước đó có hiên sau này làm lại thì không có hiên; làm thêm phòng trước đó là một phòng thông nhau giờ làm thành 2 phòng tách bạch. Đối với tầng 2 cũng cơi nới hiên và trát toàn bộ, sơn hoàn thiện tầng 2. Theo chị toàn bộ việc sửa nhà này đều là công

sức của vợ chồng, khi đó chị đi làm được tiền lương thì về đưa cho anh Th để anh Th làm nhà, chị cũng xác định mọi việc làm như thế nào đều do anh Th làm chị chỉ có đưa tiền chứ cũng không tham gia vào việc thuê thợ, mua vật liệu hay như thế nào cả. Đối với số vật dụng sinh hoạt trong gia đình, chị H trình bày vợ chồng có 01 máy điều hòa; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt và 01 xe máy Hoda Abribre anh Th đang sử dụng chị không nhớ biển kiểm soát. Đối với xe máy Leed BKS 99G1-05957 chị xác định đây là tài sản cá nhân của chị không phải là tài sản chung của vợ chồng. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án phân chia số tài sản trên của vợ chồng. Về phần công nợ; Chị thừa nhận vợ chồng có vay của bà An Thị T số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 21/10/2015 để sửa nhà nhưng sau đó anh Th đã trả hết số nợ này, còn số tiền 150.000.000 đồng chị không vay của bà Toan.

Phía anh Th trình bày: Trước khi anh kết hôn với chị H thì anh đã có một lần lập gia đình. Thời điểm anh lấy chị H thì khối tài sản anh đang sử dụng đã có gồm thửa đất mang tên bố mẹ anh, trên thửa đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, tầng 1 đã hoàn thiện nhưng đã cũ và tầng 2 thì mới xây thô chưa trát, chưa hoàn thiện. Vợ chồng ở với nhau đến năm 2015 do khi đó nhà đã cũ bị hư hỏng nhiều nên cả gia đình có tập chung vào để sửa nhà. Khi đó các hạng mục sửa nhà chỉ bao gồm đục phần trát tường tầng 1 sau đó trát lại và sơn hoàn thiện, tầng 2 thì trát và sơn hoàn thiện. Toàn bộ việc làm nhà theo anh T đều là do anh đứng ra làm phía chị H không có công sức gì đóng góp vào để làm. Chị H khi đi làm công ty lương không đưa cho anh được đồng nào, có bao nhiêu tiền lương chị giữ lại để chi tiêu cá nhân hết. Việc làm nhà từ thuê thợ, mua bán vật liệu đến các việc khác đều do anh đứng ra làm. Bản thân việc sơn nhà cũng là do anh tự làm chứ chị H không biết mọi việc là đâu cả nên anh không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước khi anh Th lấy chị H thì anh Th cũng đã có 01 đời vợ. Khi anh Th lấy vợ trước gia đình đã tập chung làm cho 01 ngôi nhà trên phần đất của vợ chồng bà. Sau này khi anh Thành lấy chị H thì bà vẫn để vợ chồng ở trên đất đó. Bà H xác định phần đất vẫn là của bà, bà chưa cho vợ chồng nên nay vợ chồng ly hôn bà chỉ đồng ý để vợ chồng xem xét phân chia phần tài sản mà vợ chồng tạo lập được là giá trị phần sửa chữa ngôi nhà. Bà cũng xác định những nội dung liên quan đến tài sản là thửa đất bà thay mặt cả gia đình để giải quyết tại Tòa án.

Bà An Thị T trình bày: Bà là thím của anh Th, chị H. Năm 2015 khi vợ chồng anh Th chị H sửa nhà do thiếu tiền có hỏi vay của bà tổng số tiền 250.000.000 đồng vào các ngày 21/10/2015 và ngày 14/11/2015. Khi vay có viết giấy biên nhận và có chữ ký của cả hai vợ chồng. Kể từ khi vay đến nay vợ chồng vẫn chưa trả bà được đồng nào. Nay vợ chồng ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Th, chị H phải trả bà số tiền này, bà chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc mà không yêu cầu phải trả tiền lãi.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành việc thẩm định, định giá tài sản có tranh chấp, kết quả như sau:

Ngày 30/3/2018 tiến hành thẩm định toàn bộ khối tài sản trên thửa đất: Thửa đất có tứ cận hướng Bắc giáp với đường lớn của thôn; hướng Đông giáp với tiểu ngõ; hướng Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Đình Kiên và hướng Tây giáp với nhà đất ông Nguyễn Thế Lỗi. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 02 tầng với diện tích mỗi tầng là 48m². Tầng 1 đã hoàn thiện sơn lát nền, cửa gỗ. Tầng 2 cũng đã được hoàn thiện sơn, lát nền, cửa gỗ thì đã cũ; Giữa nhà với đường chính của thôn có 01 nhà chứa lợn Ploximang có diện tích 61,11m²; cạnh nhà trần về hướng Nam là 01 nhà chứa lợn Ploximang (nhà bán mái) có diện tích 34,8m², trước nhà có 01 sân lát gạch bỏ đã cũ; hướng Đông và hướng Nam là tường gạch xây đã cũ cao 2,2m. Thẩm định vật dụng sinh hoạt trong gia đình có yêu cầu phân chia gồm có; 01 tủ lạnh hiệu Sharp đã cũ; 01 máy điều hòa Aqua và 01 máy giặt cũng đã cũ.

Ngày 11/5/2018 tiến hành thẩm định bổ sung có kết quả: Tầng 01 ngôi nhà có sảnh trước cửa chính, sảnh có 02 mái vát đổ bê tông lợp ngói, có 02 cột tròn có diện tích đổ bê tông là 9,9m²; tầng 1 và tầng 2 đều có bức tường ngăn phòng; Phần coi nói như chị Hương khai có diện tích cả tầng 1 và tầng 2 tổng cộng là 15,3m². Toàn bộ tài sản trên đất thấy chỉ có ngôi nhà phân sơn tường còn mới, còn toàn bộ các công trình khác đều đã cũ, rêu phong và được xây dựng từ lâu.

Kết quả định giá tài sản: Theo kết quả định giá tài sản ngày 11/5/2018 thì giá trị phần tài sản có tranh chấp được xác định gồm: Phần giá trị xây dựng năm 2015 sau khi đã trừ khấu hao có giá trị là 109.013.864 đồng. Tài sản là vật dụng có giá trị máy điều hòa có giá 4.500.000 đồng; máy giặt có giá 3.000.000 đồng; tủ lạnh đã hết khấu hao không còn giá trị; xe máy đương sự không cung cấp được chứng cứ không xác định được giá trị.

Tại phiên tòa phía anh Th vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn chị H. Phía chị H thay đổi nội dung yêu cầu, chị rút yêu cầu đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng nữa. Đối với ý kiến về việc ly hôn, chị thay đổi lời khai, chị cho rằng vợ chồng có thể đoàn tụ được nên chị không đồng ý ly hôn như yêu cầu của anh Th. Đối với bà H và bà T vẫn giữ yêu cầu như trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm tố tụng phải kiến nghị khắc phục. Về giải quyết vụ án, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tại phiên tòa chị H cũng trình bày vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, anh Th đã nhiều lần dùng bạo lực với chị, vợ chồng kể từ khi ly thân đến nay cũng không có quan hệ tình cảm gì với nhau cả. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa nên cần chấp nhận

yêu cầu của anh Th, xử cho anh Thành được ly hôn chị H. Về con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con chung, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H với mức 2.000.000 đồng/ tháng/02 cháu. Về tài sản chung do chị H rút yêu cầu chia tài sản, anh Th không có yêu cầu chia tài sản chung nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H. Đối với yêu cầu độc lập của bà T, thấy rằng có căn cứ để xác định vợ chồng có vay số tiền 250.000.000 đồng nhưng chưa trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T. Buộc anh Th, chị H mỗi người phải trả bà Toan số tiền là 125.000.000 đồng. Về án phí và chi phí tố tụng các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Anh Nguyễn Đình Th kết hôn với chị Trần Thị H vào tháng 3/2013 do tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng đã mất niềm tin vào nhau về sự chung thủy vợ chồng. Phía anh Th cho rằng chị H có quan hệ ngoại tình, sống không chung thủy với anh nên dẫn tới quan hệ vợ chồng luôn căng thẳng, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Bản thân chị H trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng đã lâu. Tại phiên tòa chị trình bày đã nhiều lần bị anh Th dùng vũ lực, anh Thành đánh chị nhiều lần. Kể cả trong sinh hoạt vợ chồng chị khai kể từ khi chị sinh con vào tháng 10/2013 đến nay vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì với nhau. Từ khi vợ chồng ly thân cũng không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ tình cảm gì với nhau. Thấy rằng vợ chồng đã không còn niềm tin vào nhau, không còn tình cảm gì với nhau nữa, mục đích của hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Th, xử cho anh Th được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Thảo Vy và cháu Nguyễn Thị Thảo Uyên, hai cháu sinh đôi và đều sinh ngày 7/10/2013. Hiện nay cả hai cháu đều đang với mẹ ở thôn Yên Đình, xã Phù Lương. Ly hôn anh Th đề nghị được nuôi 01 con chung, chị H đề nghị được nuôi cả hai con và đề nghị anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị với mức 1.500.000 đồng/tháng/cháu đến khi các con thành niên. Xem xét các ý kiến của cả anh Th, chị H thì thấy: về điều kiện nuôi con chung cả phía anh Th và chị H đều có khả năng điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Phía anh Th và chị H đều có thu nhập đủ điều kiện để chăm lo cho con chung. Chị H có công việc làm ổn định với mức thu nhập khoảng từ 8 - 10.000.000 đồng/tháng. Xem xét ý kiến của chị H cho rằng các cháu còn nhỏ, lại là hai cháu sinh đôi, các cháu cũng đã quen ở bên nhau và hiện thì cũng

đang học tập ổn định ở trường làng, quen với bạn bè trong lớp nên để đảm bảo cho việc phát triển ổn định của các cháu cần giao cho chị H được tiếp tục chăm sóc hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H có yêu cầu nên cần buộc anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cùng với chị H với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung kể từ tháng 9/2018 đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung: Do chị H rút yêu cầu chia tài sản chung, anh Th không có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối yêu cầu này của chị H.

Về yêu cầu độc lập của phía bà An Thị T: Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 21/10/2015 cả phía anh Th, chị H đều thừa nhận có vay tiền. Lời khai của bà T, anh Th và chị H phù hợp với nhau và phù hợp với chứng cứ là giấy vay tiền lập ngày 21/10/2015 do bà T cung cấp. Phía chị H khai số tiền này anh Th đã trả cho bà T nhưng anh Th không thừa nhận, chị H cũng không có chứng cứ nào để chứng minh việc đã trả tiền nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc vợ chồng phải trả khoản nợ 100.000.000 đồng này. Về số tiền nợ 150.000.000 đồng, bà T và anh Th xác nhận vợ chồng có vay bà T số tiền nợ này. Bà T có cung cấp chứng cứ là giấy vay nợ ngày 14/11/2015 có chữ ký của cả anh Th và chị H. Phía chị H tuy không thừa nhận có vay và có ký giấy nhận nợ nhưng theo kết luận giám định số 77/KLGĐ-PC54 ngày 01/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh thì có căn cứ xác định chị H có ký vào giấy vay nợ ngày 14/11/2015. Lời khai của bà T, anh Th phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung giấy nhận nợ ngày 14/11/2015 nên có căn cứ để xác định vợ chồng anh Th, chị H có vay số tiền này. Anh Th, bà T xác nhận vợ chồng chưa trả nợ, chị H không chứng minh được đã trả số tiền nợ này nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc vợ chồng phải trả khoản nợ 250.000.000 đồng này và mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số nợ là 125.000.000 đồng.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th, chị H phải chịu án phí do yêu cầu đòi số tiền nợ của bà T được chấp nhận tương ứng với số tiền mà mỗi bên phải trả. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung, hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị H phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí giám định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình Th được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp nuôi 02 con chung là các cháu; Cháu Nguyễn Thị Thảo Vy, sinh ngày 7/10/2013 và cháu Nguyễn Thị Thảo Uyên, sinh ngày 7/10/2013. Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 cháu/ 1 tháng kể từ tháng 9/2018 đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của chị Trần Thị H.

- Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà An Thị T. Buộc anh Nguyễn Đình Th và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả bà Toan số tiền nợ gốc theo các giấy vay nợ ngày 21/10/2015 và 14/11/2015 là 250.000.000 đồng, cụ thể anh Th, chị H mỗi người phải trả số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi năm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí, chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Đình Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm (được trừ vào số tiền anh Th đã nộp số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 04902 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ). Anh Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 6.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị H không phải chịu án phí chia tài sản chung nhưng phải chịu 6.250.000 đồng tiền án phí dân sự, số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung chị H đã nộp theo biên lai thu số 04925 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ được trừ vào phần tiền án phí chị H phải chịu.

Chị H phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản và 1.500.000 đồng tiền chi phí giám định (xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền vào ngày 17/01/2018 và ngày 4/7/2018).

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Sỹ Cây